

# TRIẾT LÝ GIÁO DỤC Ở VIỆT NAM QUA CÂU TỤC NGŨ “TIÊN HỌC LỄ, HẬU HỌC VĂN”

HOÀNG TẮT THẮNG

Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế

Email: tatthang.dhkh@gmail.com

**Tóm tắt:** Đối với truyền thống giáo dục ở Việt Nam, câu tục ngữ “Tiên học lễ, hậu học văn” đã trở thành một triết lý giáo dục từ xa xưa và đã thấm sâu vào trong đời sống của cộng đồng như một nét văn hóa đặc trưng. Nội dung của bài viết tập trung bàn luận ba vấn đề chính: a) Hai phạm trù “lễ” và “văn” không tồn tại độc lập, tách bạch mà là tích hợp trong một thể thống nhất biện chứng; xét về mặt triết học, mối quan hệ giữa “lễ” và “văn” như là mối quan hệ của cặp phạm trù “hình thức” và “nội dung”. b) “Tiên học lễ, hậu học văn” đối với học sinh cũng không có nghĩa là “Tiên dạy lễ, hậu dạy văn” đối với người giáo viên. c) “Tiên học lễ, hậu học văn” cũng không có nghĩa là người đi học thì trước tiên phải học “lễ”, sau đó mới học “văn”. Bài báo liên hệ vào thực tiễn dạy và học ngành báo chí để làm sáng tỏ các vấn đề trên.

**Từ khóa:** Triết lý, giáo dục, tích hợp, phạm trù, hình thức, nội dung.

## 1. “TIÊN HỌC LỄ, HẬU HỌC VĂN” LÀ MỘT BIỂU HIỆN VỀ TRIẾT LÝ GIÁO DỤC CỦA NGƯỜI VIỆT

Khi nói đến phương châm giáo dục truyền thống ở Việt Nam từ xưa đến nay, không ai không nhắc đến một trong những câu khẩu hiệu mang tính triết lý giáo dục đó là “Tiên học lễ, hậu học văn”. Khi bước chân vào các trường phổ thông, đặc biệt là các trường Tiểu học, ta đều bắt gặp trong mỗi lớp học đều treo câu khẩu hiệu “Tiên học lễ, hậu học văn”. Câu nói trên xuất phát từ quan điểm đào tạo của Nho giáo do Khổng Tử dùng trong việc giáo dục con người và trở thành truyền thống giáo dục ở Việt Nam. Triết lý ấy đã thấm sâu tận gốc rễ trong đời sống văn hóa của cộng đồng người Việt từ xa xưa và được diễn đạt bằng một hình thức thuần Việt vừa giản dị, vừa mộc mạc “Học ăn, học nói, học gói, học mở”. Phải chăng “học ăn, học nói” là “học lễ”, “học gói, học mở” là “học văn”? Tất cả những điều nói trên đã khẳng định một phương châm mang tính triết lý về giáo dục là một hiện thực tồn tại khách quan trong xã hội Việt Nam từ xưa đến nay.

Việc bàn luận nội dung câu khẩu hiệu “Tiên học lễ, hậu học văn” đã được nhiều người quan tâm như Nguyễn Dân Quốc (2012) với bài *Suy ngẫm về “Tiên học lễ, hậu học văn”*, Bùi Nam (2018) với bài *Một lần nữa, lại phải bàn về giữ hay bỏ “Tiên học lễ, hậu học văn”?*, Phan Tùng Sơn (2019) với bài *Nhắc nhở “Tiên học lễ, hậu học văn”*,... Tuy nhiên, các tác giả trên mới chỉ bàn luận xung quanh nội hàm ý nghĩa truyền thống của hai phạm trù “tiên học lễ” và “hậu học văn” cũng như mối quan hệ “tiên – hậu (trước-sau)” của hai phạm trù ấy chứ chưa quan tâm đến sự vận động, biến đổi về nội dung của các phạm trù theo sự biến đổi của thời đại.

Thực tế cho thấy, cuộc sống xã hội luôn luôn vận động và phát triển, các khái niệm, các phạm trù, các triết lý được hình thành từ xa xưa cũng luôn luôn vận động và biến đổi theo sự vận động và biến đổi của hiện thực khách quan cũng như nhận thức của con người. Trong xã hội hiện đại, các khái niệm, các phạm trù, các triết lý truyền thống tích cực không những được tiếp thu, kế thừa và phát huy mà còn được nhận thức một cách sâu sắc, mở rộng nội hàm, nhằm phù hợp với nhu cầu thực tiễn với tinh thần “bình cũ, rượu mới”. Theo đó, triết lý giáo dục “Tiên học lễ, hậu học văn” cũng được nhận thức với tinh thần trên mới phù hợp với yêu cầu và nhiệm vụ của sự nghiệp giáo dục trong xã hội Việt Nam thời hiện đại. Các khái niệm “tiên, hậu”, các phạm trù “lễ, văn” cũng như mối quan hệ giữa “tiên học lễ” và “hậu học văn” cũng được nhận thức sâu hơn, mới hơn. Lâu nay khi nói đến “Tiên học lễ, hậu học văn”, người ta thường nghĩ đến đó là phương châm giáo dục đối với học sinh phổ thông, chủ yếu là học sinh bậc tiểu học. Nhưng thực tế, phương châm này càng có ý nghĩa quan trọng đối với cả sinh viên bậc đại học.

Bài viết này liên hệ vào thực tiễn đào tạo đại học ngành Báo chí để luận giải các vấn đề tiếp theo.

## 2. SỰ BÀN LUẬN VỀ TRIẾT LÝ GIÁO DỤC “TIÊN HỌC LỄ, HẬU HỌC VĂN”

### 2.1 Hai phạm trù “Lễ” và “Văn” không tồn tại độc lập, tách bạch mà là tích hợp trong một thể thống nhất biện chứng

2.1.1. Theo cách hiểu truyền thống, “lễ” là lễ nghĩa, là cách đối nhân xử thế; nói khái quát hơn là *những chuẩn mực về hành vi giao tiếp, ứng xử trong các mối quan hệ giữa con người với con người* trong xã hội. Tác giả Bùi Nam cho rằng: “Tiên học lễ” có nghĩa là khi bắt đầu sự học thì phải học những đức tính tốt đẹp của con người, học để trở thành người tốt, học để phụng sự Tổ Quốc, học để trở thành một người có tấm lòng nhân ái, vị tha, biết kính trên nhường dưới, yêu thương mọi người... hay nói rộng ra “Tiên học lễ” là học về đạo đức trước khi học về văn hóa” [3].

Đối với người Việt, mối quan hệ giữa con người với con người được thể hiện thông qua các nhóm quan hệ (quan hệ xã hội, quan hệ tuổi tác, quan hệ tình cảm và quan hệ gia đình, họ hàng). “Lễ” là nội dung cơ bản của phạm trù “đạo đức”. Cũng như câu tục ngữ “Học ăn, học nói, học gói, học mở” thì “học ăn, học nói” chính là học cách đối nhân xử thế, là việc nhận thức các chuẩn mực về hành vi giao tiếp, ứng xử của con người trong cộng đồng. Những chuẩn mực về hành vi giao tiếp, ứng xử ấy vừa có những chuẩn mực chung cho tất cả các thành viên trong cộng đồng, vừa có những chuẩn mực riêng đối với từng lứa tuổi, giới tính, nghề nghiệp,...

Tương tự, bên cạnh đạo đức xã hội (những quy tắc, chuẩn mực chung của cộng đồng) còn tồn tại các bộ phận đạo đức nghề nghiệp (những quy tắc, chuẩn mực riêng trong từng lĩnh vực nghề nghiệp cụ thể) như đạo đức nhà giáo, đạo đức nhà báo, đạo đức người thầy thuốc,...

Mặt khác, những chuẩn mực ấy không phải luôn luôn cố định, bất biến mà luôn luôn vận động, biến đổi cùng với sự biến đổi của xã hội. Có những hành vi giao tiếp, ứng xử trước đây là chuẩn mực nhưng hiện nay không còn chuẩn mực nữa (nghĩa là không còn phù

hợp với lợi ích chung của cộng đồng, không có tác dụng góp phần thúc đẩy sự tiến bộ xã hội). Hoặc có những hành vi giao tiếp, ứng xử ở hoàn cảnh, phạm vi này là chuẩn mực nhưng ở hoàn cảnh, phạm vi kia lại không phải là chuẩn mực,... Vì vậy không thể nói “học lễ” là yêu cầu chỉ đối với học sinh phổ thông nói chung, đặc biệt đối với học sinh tiểu học nói riêng. Phạm trù “lễ” có nội dung rất rộng, rất sâu, do đó việc nhận thức và thể hiện đầy đủ nội dung của “lễ” không phải chỉ một sớm một chiều hoặc vài mươi năm mà có khi suốt cả cuộc đời. Có nhiều người trưởng thành đến lúc nhắm mắt xuôi tay mà vẫn chưa nhận thức đầy đủ về nội dung của “lễ”.

Vì vậy, việc nhận thức nội dung của “lễ” và thể hiện nó trong cuộc sống hàng ngày là một nhu cầu vừa cấp thiết, vừa thường xuyên đối với mỗi người trong suốt cả cuộc đời. Một ví dụ nhỏ ở sinh viên bậc đại học. Từ khi bậc giáo dục đại học chuyển sang phương thức đào tạo theo học chế tín chỉ, bên cạnh những mặt tích cực to lớn của phương thức đào tạo ấy, còn bộc lộ những mặt trái về hành vi ứng xử của sinh viên mà chưa thể khắc phục được. Một trong những biểu hiện của mặt trái ấy là cơ cấu tổ chức hoạt động theo lớp (có ban cán sự, ban chấp hành chi đoàn) dường như mờ nhạt, bị vô hiệu hóa, vì sinh viên lên lớp theo tổ chức nhóm. Việc tổ chức sinh hoạt theo lớp chỉ là hình thức, không có hiệu quả. Theo đó, nhiều sinh viên khi vào lớp học chỉ quan tâm đến chỗ ngồi của mình (sạch, mát, thuận lợi cho việc tiếp thu bài hoặc làm việc riêng,...), không cần quan tâm đến phòng học chung (phòng học sạch hay bẩn, bảng có được lau sạch hay chưa, bục giảng của giáo viên sạch hay bẩn,...). Thậm chí có sinh viên còn lí luận rằng nhiệm vụ của giảng viên là lên lớp giảng bài, còn học hay không là quyền của người học, giảng viên không cần phải nhắc nhở,... Từ đó, phương châm giáo dục “Trường ra trường, lớp ra lớp” không tồn tại, mối quan hệ thầy trò cũng bị phai nhạt, mang màu sắc của nền kinh tế thị trường.

Nhà nghiên cứu Nguyễn Dân Quốc có lí khi nhận xét rằng: “Trong nền kinh tế thị trường hiện nay, quan niệm GD-ĐT ít nhiều bị tác động, chi phối bởi lối giáo dục thực dụng, đề cao truyền thụ kiến thức, xem nhẹ giáo dục đạo đức. Vì vậy, đề cao quan niệm giáo dục đúng đắn của người xưa là cách thiết thực để hạn chế những tác động tiêu cực từ nền kinh tế thị trường” [4].

2.1.2. Cũng theo cách hiểu truyền thống, “văn” là kiến thức về khoa học tự nhiên và khoa học xã hội, là kĩ năng nghề nghiệp. Tác giả Bùi Nam cũng quan niệm rằng: “Hậu học văn”: có nghĩa là sau khi giáo dục về đạo đức mới được học về văn hóa, học về tri thức, chiếm lĩnh tri thức, làm chủ tri thức nhân loại, biến thành người giỏi, tiến bộ phù hợp với sự phát triển của khoa học kỹ thuật, của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đang ở rất gần” [3].

Người học cũng sẽ tiếp nhận những kiến thức và kĩ năng ấy theo một quá trình từ thấp đến cao, từ kiến thức phổ thông đến kiến thức chuyên sâu. Việc tiếp nhận kiến thức và kĩ năng ấy cũng không phải chỉ ngày một, ngày hai, hoặc vài mươi năm là được mà có khi suốt cả cuộc đời. Để có được kiến thức và kĩ năng cao, chuyên sâu thì đòi hỏi ở con người trước hết phải có đức tính kiên trì, không ngại khó, ngại khổ, tự lực, tự giác và sáng tạo.

Như vậy, nội hàm của phạm trù “văn” cũng rất rộng, vừa là kiến thức, vừa là kĩ năng. Nói một cách khái quát, “học văn” là quá trình tiếp nhận kiến thức (tri thức) về khoa học tự

nhiên và khoa học xã hội mà nhân loại đã tích lũy được, đồng thời là quá trình rèn luyện về kỹ năng (phương pháp) để tiếp nhận tri thức trong hoạt động thực tiễn. Tuy nhiên tùy thuộc vào từng cấp học, bậc học để định hướng trọng tâm chương trình thiên về tiếp nhận tri thức hay rèn luyện phương pháp. Đối với bậc đào tạo các cấp học phổ thông, định hướng trọng tâm thiên về việc tiếp nhận tri thức; đối với bậc đào tạo đại học và trên đại học lại định hướng trọng tâm thiên về rèn luyện kỹ năng, phương pháp và sản sinh tri thức. Vì vậy, học ở bậc phổ thông được gọi là học văn hóa, nhưng học ở bậc đại học lại được gọi là học chuyên môn, nghề nghiệp.

Một ví dụ cụ thể, khi giới thiệu học phần *Kỹ năng viết phóng sự* cho sinh viên ngành báo chí, việc đầu tiên mà người giảng viên cần làm là giúp cho sinh viên nắm vững nội dung các khái niệm liên quan trực tiếp đến thể loại *Phóng sự* và những đặc điểm cơ bản của chúng (khái niệm phóng sự, đặc trưng của phóng sự, phân loại phóng sự,...); đồng thời giới thiệu các thao tác, các bước tiến hành để hoàn thành một tác phẩm phóng sự. Về phương pháp, giảng viên có thể dẫn ra một số tác phẩm phóng sự tiêu biểu đã được đăng tải để phân tích kỹ các bước tiến hành, đồng thời để sinh viên thực hành tạo lập một vài phóng sự giả định. Như vậy, việc “học văn” ở bậc đại học thiên về rèn luyện kỹ năng, phương pháp và sản sinh tri thức. Việc tiếp nhận tri thức ở bậc đại học chủ yếu là nắm vững nội dung của hệ thống khái niệm và phương pháp tiếp cận đối tượng.

2.1.3. Việc phân tích nội dung của hai phạm trù “lễ” và “văn” như trên thực chất là chúng ta đã lâm thời “siêu hình hóa” hai đối tượng khách quan để đi sâu nhận thức bản chất của từng đối tượng phục vụ cho hoạt động giáo dục của xã hội. Trên thực tế, hai đối tượng này luôn luôn tồn tại trong một thể thống nhất, tác động qua lại, hình thành nên những “khuôn mẫu” đặc trưng cho các kiểu người trong xã hội.

Tôi rất tâm đắc với nhận xét sau đây của tác giả Nguyễn Dân Quốc: “Muốn trở thành người có “lễ” thì phải học, mà học thì phải học “văn”, tức là học kiến thức. Tuy nhiên, học nhiều không có nghĩa là có đạo đức. Nếu một người có học mà không có “lễ” thì được xem là hạng bất nhân. Như vậy, “lễ” - “văn” không thể tách rời nhau” [4].

Trong cuộc sống hàng ngày, chúng ta thường nghe những cụm từ như “khiêm tốn là thông minh”, “con người hoàn hảo”, “mẫu người lí tưởng”,... thực chất là nói đến những mẫu người thể hiện đầy đủ hai mặt “lễ” và “văn”. *Khiêm tốn* là một thuộc tính của *Lễ*, thuộc phạm trù đạo đức; *thông minh* là một thuộc tính của *Văn*, thuộc phạm trù nhận thức. *Con người hoàn hảo* hay *mẫu người lí tưởng* là con người vừa chuẩn mực trong các hành vi giao tiếp ứng xử (có đạo đức, có văn hóa...), vừa có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ tốt (có tay nghề cao, có tri thức chuyên sâu, có kỹ năng tốt...). Bất kỳ một hành vi giao tiếp ứng xử nào trong cuộc sống đều là biểu hiện tích hợp giữa *Lễ* và *Văn*. Ở trường học, một sinh viên cần cù, chịu khó, kiên trì trong học tập thì sẽ nắm vững kiến thức chuyên môn, do đó khi làm bài thi, bài kiểm tra sẽ có ý thức và thái độ trung thực, tự giác và độc lập trong việc giải quyết các yêu cầu của đề thi. Trái lại, một sinh viên lười nhác, ngại khó, không có quyết tâm thì sẽ không nắm được kiến thức chuyên môn, từ đó khi làm bài thi, kiểm tra sẽ có hành vi và thái độ thiếu trung thực, không tự giác và gian lận trong việc giải quyết các yêu cầu của đề thi.

Chẳng hạn, một sinh viên ngành báo chí khi thực tập, thực hành để hoàn thành một tác phẩm phóng sự, nếu sinh viên đó nắm vững những kiến thức lý thuyết về thể loại phóng sự cũng như phương pháp và cách thức tiến hành từ khâu xác định đề tài, chủ đề, đến khâu xâm nhập thực tế, thu thập tư liệu và cuối cùng là hoàn thiện các yêu cầu về nội dung và hình thức của tác phẩm phóng sự. Quá trình đó là sự thể hiện một cách hoàn chỉnh các yêu cầu về nội dung của *lẽ* và *văn*. Chỉ riêng khâu xâm nhập thực tế, thu thập tư liệu nếu người làm báo có những hành vi giao tiếp, ứng xử thiếu chuẩn mực thì sẽ không thu thập được những chất liệu tốt từ phía công chúng.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng nhắc nhở cán bộ đảng viên là: *Có đức mà không có tài thì làm việc gì cũng khó, có tài mà không có đức thì trở thành người vô dụng*. Câu nói ấy chẳng phải đã khẳng định mối quan hệ biện chứng giữa *lẽ* (đức) và *văn* (tài) đó sao! Trong hệ thống tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh về báo chí có một nội dung quan trọng là nhà báo phải không ngừng học tập, bồi dưỡng để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Như vậy có thể nhận thức rằng “học lẽ” cũng là “học văn” và ngược lại “học văn” cũng là “học lẽ”. Cũng vì vậy, quá trình “học văn”, “học lẽ” là một quá trình liên tục từ phổ thông đến đại học. Lâu nay nhiều người thường quan niệm rằng việc “học lẽ” chủ yếu đối với học sinh bậc tiểu học hoặc môn *Giáo dục công dân* ở bậc phổ thông nói chung; ở bậc đại học thì chỉ “học văn”. Đối với một số ngành nghề đặc thù như nghề báo, nghề giáo, nghề thầy thuốc,... mới có “học lẽ” tức là môn học về *đạo đức nghề nghiệp*.

Những phân tích ở trên cho thấy, trong *lẽ* có *văn* và trong *văn* có *lẽ*. Mỗi bài học, mỗi môn học là sự tích hợp giữa tri thức và thái độ (hành vi ứng xử), nghĩa là sự tích hợp giữa *văn* và *lẽ*. Không có bất kì một nghề nghiệp nào, một lĩnh vực nào mà không cần đến *lẽ*. Một nhà khoa học nghiên cứu và sáng chế ra một thiết bị mới, rất hiện đại (đó là *văn*), nhưng để phục vụ cho tiến bộ xã hội hay chỉ vì lợi ích cá nhân (đó là *lẽ*).

Mối quan hệ biện chứng giữa *lẽ* và *văn* biểu hiện ở mỗi con người, xét về mặt triết học, có thể xem như là mối quan hệ của cặp phạm trù *nội dung* và *hình thức*, trong đó *lẽ* như là mặt *hình thức* và *văn* như là mặt *nội dung*.

## **2.2. “Tiên học lẽ, hậu học văn” đối với học sinh cũng không có nghĩa là “Tiên dạy lẽ, hậu dạy văn” đối với người giáo viên**

Về lô-gích, đã có người học thì tất yếu phải có người dạy; đã có “học lẽ, học văn” thì tất yếu phải có “dạy lẽ, dạy văn”. Nhưng trên thực tế thì không hoàn toàn như vậy. Điều đó chỉ đúng khi trong nội dung chương trình của một số bài học, bậc học, ngành học có nội dung về đạo đức như môn học *Giáo dục công dân* (tức là về *lẽ*). Vấn đề ở chỗ là người học (học sinh, sinh viên) không chỉ tiếp thu nội dung “lẽ” trong các bài học mà học tập *lẽ* ngay chính bản thân người dạy (giáo viên, giảng viên). Điều đó có nghĩa là mỗi giáo viên, giảng viên (bất kể là có dạy các môn học về đạo đức hay không) phải là một tấm gương về *lẽ* và *văn*; nghĩa là không chỉ giỏi về kiến thức chuyên môn mà luôn luôn chuẩn mực trong các hành vi giao tiếp, ứng xử. Tác giả Bùi Nam cũng cho rằng: “Giáo viên đứng lớp chính là những người quyết định sự thành bại của giáo dục, trong đó giáo dục đúng đắn sẽ tạo nên thế hệ học trò ngoan, giỏi, có đạo đức tri thức làm cho xã hội phát triển,

đáp ứng được với sự phát triển của khoa học kỹ thuật, hay cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 ở phía trước” [3].

Mặc dù việc thể hiện các hành vi giao tiếp ứng xử của người giáo viên trong môi trường xã hội khá hạn hẹp (ở phạm vi nhà trường), nhưng đó chính là nơi thể hiện cao nhất các chuẩn mực xã hội về văn hóa ứng xử. Một người giáo viên cho dù trên lớp thuyết giảng hàng ngàn lời hay ho về đạo đức nhưng chỉ một lời nói hoặc một hành vi thiếu chuẩn mực, gây phản cảm thì cả ngàn lời hay ho ấy đều tan biến và trở nên vô nghĩa. Nhất là trong xã hội hiện nay, khi mà các chuẩn mực về hành vi giao tiếp ứng xử xã hội đang bị xáo trộn, khó nhận diện, thì việc thể hiện các chuẩn mực ở người giáo viên lại có ý nghĩa quan trọng hơn bao giờ hết. Thông qua các thể hiện về hành vi giao tiếp ứng xử của mình, người giáo viên phải giúp cho học sinh, sinh viên hiểu hành vi nào, lời nói nào là chuẩn mực, có văn hóa và ngược lại. Thực tế các trường học hiện nay cho thấy, bên cạnh đa số giáo viên đã luôn ý thức về tính chuẩn mực và thể hiện tốt qua các hành vi giao tiếp ứng xử, còn tồn tại không ít những giáo viên có biểu hiện ngược lại. Sự thiếu chuẩn mực trong lời nói và việc làm (như sự tùy tiện về giờ giấc và hoạt động trên lớp, sự thiếu khách quan và không công bằng trong đánh giá kết quả học tập của sinh viên, trang phục lên lớp phản cảm, phát ngôn thiếu văn hóa,...) đã làm cho hình ảnh người thầy trước mắt học sinh, sinh viên không còn trọn vẹn, bị méo mó, mờ nhạt. Điều đó ảnh hưởng không tốt đến hiệu quả của việc “học lễ”, “dạy lễ”.

Tác giả Phan Tùng Sơn đã có nhận xét: “Mỗi nhân tố trong môi trường giáo dục vừa là đối tượng, vừa là chủ thể của quá trình dạy và học. Người dạy lấy đạo làm người làm đầu thì người học phải lấy “Tiên học lễ, hậu học văn” làm trọng. “Lễ” trong môi trường giáo dục hiện nay chính là sự thể hiện sinh động tinh thần yêu nước, lòng trung thành với Tổ quốc, với Đảng và nhân dân, tình yêu thương con người, đức nhân ái, vị tha, bao dung cùng những hành vi ứng xử văn hóa, văn minh trong cuộc sống hằng ngày” [5].

Về “học văn” cũng vậy, người học tiếp nhận kiến thức chuyên môn nghiệp vụ không chỉ bằng những bài giảng lý thuyết hàn lâm trên lớp mà bằng cả vốn kiến thức và kỹ năng có được ở người dạy. Vì vậy, yêu cầu đặt ra đối với người dạy phải có một vốn kiến thức vừa rộng vừa sâu để có thể giải thích một cách thỏa đáng mọi thắc mắc của người học. Đồng thời người dạy phải có phương pháp thực hành và kỹ năng tốt để hướng dẫn người học giải quyết những yêu cầu thực tiễn (bài tập, thực hành, thực tập,...).

Chẳng hạn, đối với ngành đào tạo báo chí, chương trình đào tạo có hai nhóm học phần. Nhóm học phần thứ nhất thiên về lý luận, nhóm thứ hai thiên về kỹ năng thực hành. Những giảng viên phụ trách các môn học thiên về kỹ năng thực hành không những phải có kiến thức lý thuyết vững vàng mà còn có kỹ năng thực hành tốt. Mỗi giảng viên phụ trách môn học về kỹ năng nhất thiết hoặc là nhà báo có thâm niên, hoặc là giảng viên có tham gia làm cộng tác viên với các cơ quan báo chí, thường có tác phẩm báo chí được đăng tải. Một giảng viên phụ trách học phần *Kỹ năng viết phóng sự* nhưng chưa bao giờ có tác phẩm phóng sự được đăng tải; cũng như một giảng viên phụ trách học phần *Kỹ thuật nhiếp ảnh báo chí* nhưng chưa bao giờ có tác phẩm ảnh báo chí được đăng tải thì giảng viên dạy cái gì, sinh viên học cái gì. Việc dẫn ra các minh chứng về các tác phẩm phóng sự

cũng như ảnh báo chí của các nhà báo khác để phân tích và chứng minh cũng chưa thể mang lại cho sinh viên một giờ học hứng thú và có hiệu quả. Như vậy chẳng qua là chỉ để minh họa cho những kiến thức lí thuyết sách vở, giáo điều chứ chưa hướng đến mục tiêu rèn luyện kĩ năng.

Như vậy, câu chuyện “học lễ”, “học văn” không phải chỉ là việc người dạy cố gắng làm cho người học hiểu được, nhận thức được những điều có trong sách vở, mà quan trọng hơn là ở chính bản thân người dạy. “Lễ” và “Văn” được thể hiện ở vốn tri thức, ở các hành vi giao tiếp ứng xử của chính người dạy mới là điều người học cần phải học.

### 2.3. “Tiên học lễ, hậu học văn” không có nghĩa là “học lễ” trước, “học văn” sau

Khi luận giải nội dung của câu tục ngữ trên, đa số tác giả đều xem phương châm giáo dục truyền thống đối với người đi học trước hết là *học Lễ*, sau đó mới *học Văn*.

Theo tác giả Bùi Nam: ““Tiên học lễ” có nghĩa là khi bắt đầu sự học thì phải học những đức tính tốt đẹp của con người, (...) hay nói rộng ra “Tiên học lễ” là học về đạo đức trước khi học về văn hóa. “Hậu học văn”: có nghĩa là sau khi giáo dục về đạo đức mới được học về văn hóa, học về tri thức, chiếm lĩnh tri thức, (...)” [3]. Có tác giả cũng quan niệm rằng, ý nghĩa của cả câu nói chính là khuyên chúng ta nên học cách ứng xử, đối nhân xử thế với người khác trước; rồi sau đó mới bàn đến vấn đề học hỏi những kiến thức văn hóa”...

Luận giải như trên hoàn toàn đúng nhưng chưa đủ. Như đã phân tích ở trên, mỗi bài học, mỗi môn học là sự tích hợp giữa tri thức và thái độ (hành vi ứng xử), nghĩa là sự tích hợp giữa *văn* và *lễ*. Mỗi quan hệ biện chứng giữa *lễ* và *văn* biểu hiện ở mỗi con người, có thể xem như là mối quan hệ của cặp phạm trù *nội dung* và *hình thức*, trong đó *lễ* như là mặt *hình thức* và *văn* như là mặt *nội dung*. Trật tự hai vế trong câu tục ngữ trên (học lễ trước, học văn sau) trước hết có ý nghĩa khẳng định vai trò gốc rễ của “lễ”, tức là của đạo đức, nhân cách ở mỗi con người. Câu tục ngữ thuần Việt “học ăn, học nói, học gói, học mở” là minh chứng sinh động cho triết lí làm người của người Việt, trong đó “học ăn, học nói” là cái gốc trong việc hình thành nhân cách và tài năng ở mỗi con người.

Bởi vậy, trong mỗi bài học, mỗi môn học (ngoại trừ các môn *Đạo đức học*, *Giáo dục công dân*) đều phải thể hiện được sự tích hợp giữa *lễ* và *văn*, tuy nhiên mục đích, yêu cầu cũng như trọng số của mỗi phạm trù có thể không như nhau. Ngay những bài học đầu tiên của lớp Một ở bậc Tiểu học (chẳng hạn, môn Tiếng Việt, môn Toán) đã thể hiện rõ sự tích hợp ấy. Khi học mỗi bài học, học sinh vừa thể hiện năng lực tiếp nhận, vừa thể hiện thái độ tiếp nhận cũng như thể hiện các hành vi giao tiếp ứng xử với thầy cô, với các bạn trong lớp học.

Ở bậc đại học cũng vậy, trong suốt quá trình tiếp nhận một môn học, từ việc lên lớp theo dõi bài giảng, tự học, tự nghiên cứu ở nhà, làm việc theo nhóm, đến kì kiểm tra, thi kết thúc học phần,... đều luôn luôn thể hiện sự tích hợp giữa *văn* và *lễ*.

## 3. KẾT LUẬN

Những phân tích, luận giải ở trên cho thấy, câu tục ngữ “Tiên học lễ, hậu học văn” đã trở thành một triết lí giáo dục ở Việt Nam từ xa xưa và đã thấm sâu vào trong đời sống của

cộng đồng như một nét văn hóa đặc trưng. Nội dung của hai phạm trù “Lễ” và “Văn” cũng như mối quan hệ giữa chúng là hết sức phong phú và sâu sắc. Nội dung ấy luôn luôn vận động và biến đổi phù hợp với sự vận động và biến đổi của cộng đồng người Việt qua các giai đoạn lịch sử. Trong xã hội hiện đại, nội dung của câu tục ngữ “Tiên học lễ, hậu học văn” cần phải được nhận thức một cách mới mẻ nhằm đáp ứng nhu cầu xây dựng và phát triển một nền giáo dục tiên tiến, hiện đại, đổi mới; tránh những lối tư duy sáo mòn, giáo điều và sách vở.

Theo quan điểm nhận thức biện chứng, “Tiên học lễ” luôn luôn xem “lễ” là gốc, là nền tảng nhân cách của một con người. Về phương diện lý luận, đây là sự nhấn mạnh đường lối giáo dục-đào tạo của Đảng ta theo chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đào tạo những thế hệ con người mới Việt Nam xã hội chủ nghĩa vừa có đức, vừa có tài; vừa hồng, vừa chuyên; đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn đổi mới, hội nhập. Về phương diện thực tiễn, sự vận động và phát triển của đời sống xã hội, sự tác động của nền kinh tế thị trường, trong đó có môi trường học đường những năm qua, bên cạnh các thành tựu nổi bật đã bộc lộ những biểu hiện “lệch chuẩn” đạo đức, cần phải có giải pháp chấn chỉnh kịp thời.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Phạm Khắc Chương, Nguyễn Thị Yên Phương (2007). *Đạo đức học*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.
- [2] Hồ Chí Minh (1993). *Về đạo đức*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [3] Bùi Nam (2018). *Một lần nữa, lại phải bàn về giữ hay bỏ “Tiên học lễ, hậu học văn”?*, <https://giaoduc.net.vn>, 20.5.2020.
- [4] Nguyễn Dân Quốc (2012). *Suy ngẫm về “Tiên học lễ, hậu học văn”*, <https://www.giaoduc.edu.vn>, 15.5.2020,.
- [5] Phan Tùng Sơn (2019). *Nhắc nhở “Tiên học lễ, hậu học văn”*, <https://www.qdnd.vn>, 5.6.2020.

**Title:** EDUCATIONAL PHILOSOPHY IN VIETNAM THROUGH THE PROVERB OF “LEARNING CIVILIT FIRST, LEARNING LITERATURE LATER”

**Abstract:** For Vietnamese educational tradition, the proverb of “First learning civility, learning literature later” has become educational philosophy from the ancient time and has penetrated deeply into the life of the community as typical characteristics of the culture. The content of the article focuses on discussing three main issues: a) Concepts of “civility” and “literature” do not exist independently, separately but integrated in one unified, dialectical form; philosophically speaking, the relationship between “civility” and “literature” looks like the relationship between concepts of “form” and “content”; b) the proverb of “First learning civility, learning literature later” to students also does not mean “First learning civility, learning literature later” to teachers; c) the proverb of “First learning civility, learning literature later” does not mean that people who go to school must first learn “civility”, then learn “literature”. The article is related to journalism teaching and learning practice to clarify these issues.

**Keywords:** Philosophy, education, integration, category, form, content.